TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2023/DS-PT
Ngày: 11-8-2023
V/v "Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Ông Dương Ngọc Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thanh Trung K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Mỹ D, ông Nguyễn Thanh Trung K - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-3-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N trình bày:

Vào ngày 26-5-2022 bà D có vay của bà N số tiền 70.000.000 đồng; đến ngày 28-5-2022 bà D vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng. Hai lần vay này bà D nói vay để đáo nợ ngân hàng xong sẽ trả lại cho bà, nhưng bà D không vay lại được với lý do nói là trục trặc giấy tờ. Đến ngày 28-8-2022 bà D đến vay bà số tiền 180.000.000 đồng do tin tưởng nên cho vay. Tất cả các ba lần vay đều có làm biên nhận nợ. Sau đó bà D cứ hẹn dần hết lần này đến lần khác mà chưa trả. Tổng cộng 03 lần mượn số tiền là 500.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Thanh Trung K và bà Lê Thị Mỹ D phải liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định của pháp luật.

Bà không đồng ý với lời trình bày của ông K, bà D, bà yêu cầu giải quyết trả một lần số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi trong thời gian sớm nhất vì ông K, bà D nợ tiền của bà trước khi ly hôn nên bà yêu cầu ông K và bà D liên đới trả cho bà.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Trương Thị Tuyết N 03 lần với tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi cho bà N. Tuy nhiên do hiện nay bà gặp khó khăn, không có tiền để trả nợ, bà xin bà N cho bà một thời gian bà làm có tiền trả.

*Bị đơn ô*ng Nguyễn Thanh Trung K trình bày:

Ông không thừa nhận nợ vì số tiền vay của bà N ông không biết, chỉ một mình bà D vay nên ông không đồng ý liên đới trả cho bà N, hơn nữa ông và bà D đã ly hôn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết N đối với bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Trung K.

Buộc bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Trung K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Tuyết N số tiền nợ gốc và lãi còn lại là: 542.726.000 (Năm trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi sáu ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Cùng ngày 23-5-2023, bị đơn bà Lê Thị Mỹ D kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền vốn vay 500.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi; ông Nguyễn Thanh Trung K kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà D và ông K trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà N và bà D thống nhất vốn vay là 500.000.000 đồng, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Bà D cho rằng đã trả lãi cho bà N 101.280.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà D không chứng minh được đã trả lãi cho bà N cụ thể các khoản vay nào, ngày nào. Bà N chỉ thừa nhận bà D có trả lãi cho khoản vay 250.000.000 đồng là 11.880.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền lãi đã tính theo bản án sơ thẩm nên chấp nhận một phần kháng cáo của bà D. Đối với kháng cáo của ông K, bà D vay tiền trong thời kỳ hôn nhân, đây là khoản tiền lớn, bà D không chứng minh được việc vay tiền để sử dụng cá nhân nên không chấp nhận kháng cáo của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ D và Nguyễn Thanh Trung K đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà D kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền vốn vay 500.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi; ông K kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ, thấy rằng:

[2] Bà N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ D và ông K liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng. Bà N đã cung cấp được các biên nhận nợ các lần vay, có chữ ký của bà D để làm căn cứ chứng minh. Bà D cũng thừa nhận có nợ tiền vay tổng cộng là 500.000.000 đồng và đồng ý trả vốn vay cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định bà D có vay bà N số tiền 500.000.000 đồng và có nghĩa vụ phải trả số tiền trên cho bà N.

[3] Bà D vay tiền của bà N là trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông K là vợ chồng hợp pháp chưa ly hôn. Sau khi ly hôn về tài sản chung và nợ chung chưa

được giải quyết. Bà D không chứng minh được vay tiền để sử dụng cá nhân. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà D, ông K liên đới trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu trả lãi, bà N trình bày ba khoản vay trên bà cho vay với lãi suất 2%/tháng, mục đích cho vay để bà N đáo hạn ngân hàng, nuôi tôm. Bà D trình bày, bà D cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên bà N yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay của từng lần vay đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 09-5-2023) là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Số tiền lãi được xác định của từng lần vay cụ thể như sau: khoản vay 250.000.000 đồng vay ngày 28-5-2022 đến ngày 09-5-2023 là 23.585.000 đồng (250.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng 11 ngày); khoản vay 70.000.000 đồng vay ngày 26-5-2022 đến ngày 09-5-2023 là 6.642.000 đồng (70.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng 13 ngày) và khoản vay 180.000.000 đồng vay ngày 28-8-2022 đến ngày 09-5-2023 là 12.499.000 đồng (180.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 08 tháng 11 ngày). Tổng cộng số tiền lãi là 42.726.000 đồng (23.585.000 đồng + 6.642.000 đồng + 12.499.000 đồng).

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà D và ông K phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ gốc và lãi còn lại 542.726.000 đồng là có căn cứ đối với số tiền vốn vay 500.000.000 đồng. Riêng phần trả lãi bà N và bà D đều khai bà D có trả lãi cho bà N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ là thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Bà D cho rằng bà có trả lãi cho bà N 101.280.000 đồng nhưng không được bà N thừa nhận và bà D cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh mỗi khoản vay bà đã trả cho bà N cụ thể bao nhiêu tiền lãi. Bà N chỉ thừa nhận đối với khoản vay 250.000.000 đồng bà D có trả lãi được 11.880.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã tính theo bản án sơ thẩm, còn các khoản vay 70.000.000 đồng và 180.000.000 đồng bà D chưa trả lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà D, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi bà D và ông K phải liên đới trả cho bà D là 30.846.000 đồng (42.726.000 đồng - 11.880.000 đồng); ông K kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D và ông K phải liên đới chịu 25.234.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên đề chấp nhận một phần kháng cáo của bà D và không chấp nhận kháng cáo của ông K là có căn cứ.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và ông K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ D;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Trung K;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết N đối với bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Trung K.

Buộc bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Trung K phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Tuyết N số tiền 530.846.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng vốn vay và 30.846.000 đồng tiền lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Trung K phải liên đới chịu 25.234.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0010680 ngày 23-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Hóa.

Ông Nguyễn Thanh Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0010681 ngày 23-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu